

Bản án số: **02/2022/DSST**
Ngày 20-01-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Hồng Sơn**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 20/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 11/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh H** – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: số 54, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H:
Luật sư **Lại Hùng A** – Văn phòng Luật sư Lại Hùng A, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Lô L03-02 Phan Thị Ràng, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn B** – sinh năm 1968 (có mặt)

Bà **Trần Thị Mộng T** – sinh năm 1977 (vắng mặt lần 2, không lý do)
Cùng địa chỉ: số 522, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Minh H trình bày:***

Nguyên vào ngày 19/12/2020, ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T có vay của anh H số tiền là 200.000.000đ. Khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay và có thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng.

Từ khi vay đến nay ông B, bà T không trả cho anh H được khoản tiền gốc và tiền lãi nào..

Tại phiên tòa, anh H yêu cầu ông B, bà T trả cho anh H số tiền là 200.000.000đ và tiền lãi với lãi suất là 1%/tháng từ ngày 19/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (chỉ tính thời gian là 12 tháng) là 24.000.000đ, tổng cộng là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, ông Phan Văn B trình bày:***

Nguyên vào ngày 19/12/2020, vợ chồng ông có vay của anh Nguyễn Minh H số tiền 200.000.000đ. Khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay và có thỏa thuận lãi suất miệng là 1%/tháng. Từ khi vay đến nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà chưa trả được tiền gốc và tiền lãi cho anh H.

Ngoài ra, tại phiên tòa ông B trình bày trước đây vợ chồng ông có vay của anh H số tiền là 600.000.000đ một thời gian, nhưng do vợ chồng ông không có tiền trả nên cộng cả tiền lãi và tăng lên thành số nợ 900.000.000đ. Sau đó, ông bà mới bán cho anh H 01 miếng đất trị giá 700.000.000đ, còn lại 200.000.000đ thì vợ chồng ông mới làm biên nhận nợ ngày 19/12/2020. Nay ông không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này nên ông không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Nay ông B xác nhận vợ chồng ông còn nợ của anh H số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi là 24.000.000đ (lãi suất 1%/tháng), tổng cộng là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng). Ông B xin hẹn mỗi tháng trả cho anh H số tiền là 10.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H là Luật sư Lại Hùng A trình bày:***

Đề nghị Tòa án chấp nhận theo yêu cầu của ông Nguyễn Minh H là yêu cầu ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T trả cho ông H số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Do bị đơn bà Trần Thị Mộng T vắng mặt nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Nguyễn Minh H và ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn bà Trần Thị Mộng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị Mộng T.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh H:* Xét thấy, anh Nguyễn Minh H và ông Phan Văn B đều xác nhận là ngày 19/12/2020 vợ chồng ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T có vay của anh Nguyễn Minh H số tiền 200.000.000đ. Khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay và từ khi vay đến nay ông B, bà T chưa trả được cho anh H khoản tiền gốc và lãi nào.

Tại phiên tòa, anh H và ông B xác nhận còn nợ của anh H số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

[2] *Xét lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn ông Phan Văn B về việc trước đây vợ chồng ông có vay của anh H số tiền là 600.000.000đ một thời gian, nhưng do vợ chồng ông không có tiền trả nên cộng cả tiền lãi và tăng lên thành số nợ 900.000.000đ. Sau đó, ông bà mới bán cho anh H 01 miếng đất trị giá 700.000.000đ, còn lại 200.000.000đ thì vợ chồng ông mới làm biên nhận nợ ngày 19/12/2020.* Xét thấy, ông B trình bày về việc vay số tiền 600.000.000đ của anh H

và cộng cả lãi nên tăng lên thành số nợ 900.000.000đ nhưng lại không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xem xét. Đồng thời, ông B cũng không yêu cầu xem xét lại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về lãi suất: Anh Nguyễn Minh H và ông Phan Văn B xác nhận khi vay thì chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng, nhưng nay thống nhất chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1%/tháng, từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với thời gian là 12 tháng. Do vậy, ông B, bà T còn nợ của anh H số tiền lãi là $200.0000.000đ \times 1\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 24.000.000đ$ (Hai mươi bốn triệu đồng).

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay,

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H, buộc ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T phải trả cho anh Nguyễn Minh H tiền gốc là 200.00.000đ và tiền lãi là 24.000.000đ, tổng cộng là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh Nguyễn Minh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí.

Buộc ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T phải nộp án phí là $224.000.000đ \times 5\% = 11.200.000đ$ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T.

2. Buộc ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T phải trả cho anh Nguyễn Minh H số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), trong đó: tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi là 24.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T phải nộp án phí là 224.000.000đ x 5% = 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Minh H đã nộp sẽ được xử lý khi Tòa án giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST-DS ngày 07/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa anh Nguyễn Minh H và ông Phan Văn B, bà Trần Thị Mộng T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Trần Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo